



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2017**
annual report

www.qnr.vn

I, Thông tin chung.....	3
II, Tình hình hoạt động trong năm.....	4
III, Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	12
IV, Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	13
V, Quản trị công ty.....	14
VI, Báo cáo tài chính.....	17

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
Trụ sở chính:	Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:	0235,3946 345
Fax:	0235,3946 333
Website:	www.qnr.vn
Logo Công ty:	



QUANGNAM

Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 15 ngày 25/11/2015,
Vốn điều lệ đăng ký:	1,500,000,000,000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	1,500,000,000,000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
Mã cổ phiếu:	VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2003:** Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập,
- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2,400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
 - + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
 - + VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**
 - + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE

- + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**
- + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
- + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'evelyn tower,
- + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³
- **Năm 2010**
- + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu,,
- **Năm 2011**
- + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite,
- + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4,115 ha lên 13,300 ha,
- + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha,
- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam
- **Năm 2013:** Thực hiện, tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng,
- **Năm 2014:**
- + Tháng 09/2014, Công ty tái cấu trúc đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam, nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng
- **Năm 2015:**
- + Tháng 8/2015, Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1,500 tỷ đồng,
- **Năm 2016:** Mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón hóa chất
- **Năm 2017:** Công ty tập trung tái cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

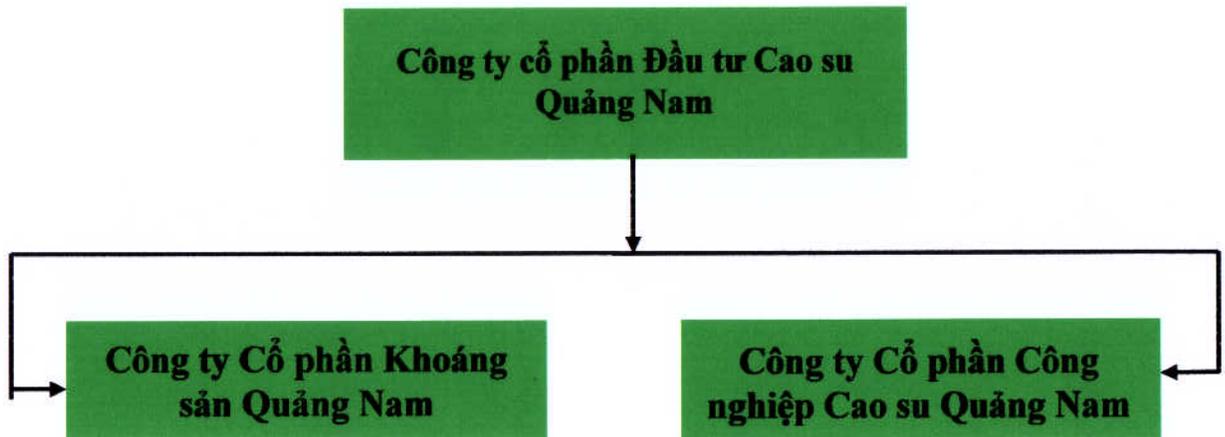
- + Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, các sản phẩm nhựa PVC, composite và các sản phẩm);
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Trồng cây cao su;
- + Khai thác gỗ;
- + Khai thác quặng đồng;
- + Khai thác quặng sắt;
- + Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- + Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- + Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- + Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- + Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- + Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- + Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- + Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- + Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn giấy các loại;
- + Hoạt động viễn thông có dây;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm),
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Trồng cây cao su;
 - + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
 - + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước,

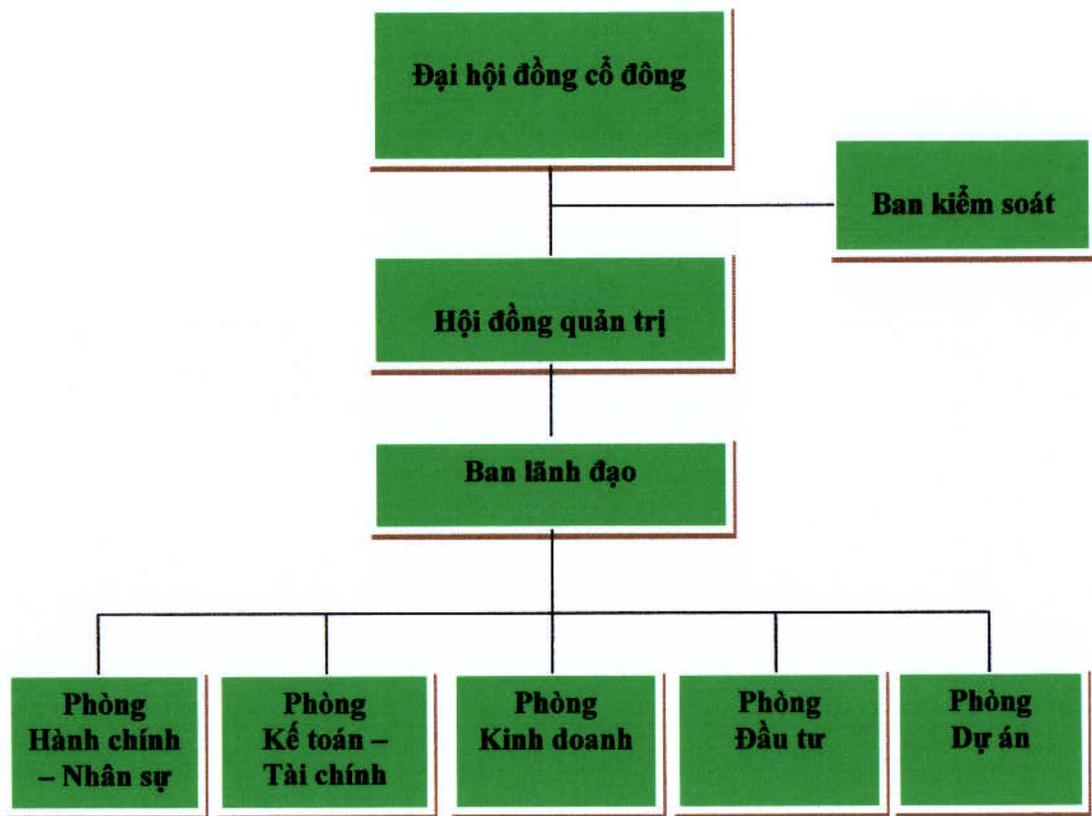
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con, liên kết

3,3,1 Công ty con:

Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- Địa chỉ: Khu B Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 660,000,000,000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 96,91%

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 300,000,000,000
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 98,04%

3.3.2 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây

- Địa chỉ: Số 125 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội,
- Vốn điều lệ: 320,000,000,000 (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: từ đầu năm đến ngày 13/12/2017 tỷ lệ là 43,81%, sau ngày 13/12/2017 Công ty đã chuyển nhượng và tỷ lệ nắm giữ chỉ còn 15,63%.

4, Định hướng phát triển:

Trong những năm tới Công ty sẽ từng bước hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trở lại, hoạt động có hiệu quả và bắt đầu có lãi, với định hướng cụ thể như sau:

- Tập trung hoàn thành quá trình tái cơ cấu những hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, đồng thời nỗ lực thu hồi vốn còn lại của các khoản đầu tư tại các hoạt động sản xuất kinh doanh này.
- Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước, mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.
- Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng, để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong các năm tới
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

5, Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, hoạt động thương mại chiếm vốn lớn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao đang là bài toán khó cho Công ty trong việc đưa ra những quyết sách phù hợp,
- Giá cao su giảm sâu trên thị trường trong nước và quốc tế là thách thức to lớn trong việc chăm sóc và trồng mới cây cao su, trong khi chưa đánh giá cụ thể chất lượng mùn cây cao su đến thời kỳ thu hoạch,

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả cả năm 2017, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 16 tỷ đồng đạt mức 3,2% kế hoạch đặt ra; bằng 1,3% so với năm 2016 và lĩnh vực cao su đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2017,

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch năm 2017 so với năm 2016
1	Tổng tài sản	1,715,038,693,480	670,079,692,726	(1,044,959,000,754)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	1,221,251,089,136	16,130,213,131	(1,205,120,876,005)
3	Lợi nhuận sau thuế	(30,223,420,318)	(1,191,876,201,272)	(1,161,652,780,954)
4	EPS	(223)	(7,903)	(7,680)

Doanh thu Công ty đạt 3,2% so với kế hoạch 500 tỷ; Lợi nhuận sau thuế giảm 596% so với kế hoạch (200) tỷ đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2017,

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Vũ Anh Tuấn – Tổng Giám đốc

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/05/1969
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Mỏ- Địa chất
Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam kiêm Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ hiện nay

▪ Ông Lê Khiếu Phương – Kế toán trưởng

Họ và tên: Lê Khiếu Phương
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 03/04/1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời

giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số lao động của VHG là 25 người, trong đó:

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	25
▪ Nam	23
▪ Nữ	02
Phân theo trình độ học vấn	25
▪ Trình độ đại học và trên đại học	07
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	7
▪ Đối tượng khác	11

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên,, và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước,

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển, Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty,

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự, Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc, Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý, Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty,

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động,

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- + Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có,
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn, Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương,
- Năm 2017 Công ty tiếp tục chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án. Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao

chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau.

+ Tiếp tục đàm phán thanh lý các hợp đồng hợp tác với Handic, đối tác Hacisco; đồng thời lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) thu hồi vốn,

3.2. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

▪ Công ty con:

– Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 29/12/2016,
- + Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam,
- + Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét,
- + Vốn điều lệ: 660 tỷ trong đó Cao su Quảng Nam nắm giữ 96,91%,

– Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013 và chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 02/11/2016,
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất săm lốp cao su và các sản phẩm khác từ cao su,
- + Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 98,66% vốn điều lệ,

▪ Công ty liên kết:

– Công ty Cổ phần phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104152631
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 125 Hoàng Văn Thái , phường Khương Trung , quận Thanh Xuân , TP Hà Nội,
- + Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản,
- + Vốn điều lệ: 320,000,000,000 (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn) từ đầu năm đến ngày 13/12/2017 tỷ lệ là 43,81%, sau ngày 13/12/2017 Công ty đã chuyển nhượng và tỷ lệ nắm giữ chỉ còn 15,63%.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1, Tổng giá trị tài sản	1.715.038	670.079	(155.95)
2, Doanh thu thuần	1.164.490	16.078	(7.142.75)
3, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(20.946)	(1.058.175)	98.02
4, Lợi nhuận khác	(4.606)	(44.362)	89.62
5, Lợi nhuận trước thuế	(25.553)	(1.102.537)	97.68
6, Lợi nhuận sau thuế	(30.223)	(1.191.876)	97.46
7, Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	(223)	(7.903)	97.18

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 – VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	35,33	3,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	32,29	3,03
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1%	22,25
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,62%	28,62
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	61,13	2,39
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,65	0,01
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-2,60%	-73,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-1,77%	-1,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	-1,68%	-0,99
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-1,80%	-0,55
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	-223	-7,903

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 150,000,000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 150,000,000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/04/2017

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	5,128	149,393,825	1,493,938,250,000	99,60%
1	Cổ đông tổ chức	31	7,614,199	76,141,990,000	5,10%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	
2	Cổ đông cá nhân	5,097	141,779,626	1,417,796,260,000	94,90%
II	Cổ đông nước ngoài	46	606,175	6,061,750,000	0,40%
1	Cổ đông tổ chức	5	309,740	3,097,400,000	51,10%
2	Cổ đông cá nhân	41	296,435	2,964,350,000	48,90%
	Tổng cộng	5,174	150,000,000	1,500,000,000,000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2017, Công ty không có bất kỳ hoạt động thay đổi vốn nào,

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Đầu năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 04/2017/NQ-HĐQT ngày 21/01/2017 Thông qua việc bán toàn bộ cổ phiếu quỹ mà công ty đang nắm giữ, cụ thể từ ngày 01/03/2017 đến ngày 20/03/2017 công ty đã bán hết số lượng cổ phiếu đang nắm giữ là 4,010,230 cổ phiếu với giá bán bình quân là 2,265 đồng với tổng giá trị giao dịch là: 9,085,436,700 đồng,

5.5. Các chứng khoán khác: Không có,

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện, do tập trung nhiều vào việc tái cấu trúc, nên hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty cũng không được tốt như các năm trước đó, khiến cho Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ trong năm 2017 giảm sút đáng kể. Kết quả hợp nhất cả năm 2017, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 16 tỷ đồng đạt mức hơn 3,2% kế hoạch đặt ra; bằng 1,3% so với năm 2016,

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016 (VND)	31/12/2017 (VND)
I	Tài sản ngắn hạn	186,378	176,843
1	Tiền	1,645	478
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	86	86
3	Phải thu	165,465	167,998
4	Hàng tồn kho	16,057	4,846
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,124	3,434
II	Tài sản dài hạn	1,528,659	493,236
1	- Phải thu dài hạn	0	0
2	- Tài sản cố định	452	87,428
3	- Bất động sản đầu tư	0	0
4	- Đầu tư tài chính dài hạn	1,347,869	344,683
5	- Tài sản dài hạn khác	0	13,869
	Tổng tài sản	1,715,038	670,079

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
I	Nợ ngắn hạn	5,275	56,745
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	5,500
2	Phải trả người bán	2,036	7,154
3	Người mua trả tiền trước	152	65
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	1,151	162
5	Phải trả người lao động	543	336
6	Chi phí phải trả	59	563
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	384	42,015
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	947	947
II	Nợ dài hạn	5,879	92,345
1	Vay và nợ dài hạn	4,775	2,226
2	Thuế TN hoãn lại phải trả	1,104	90,119
	Tổng cộng	11,154	149,091

Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyển nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty,

Liên tục trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính hiện tại, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán,

Năm 2017, phần vay dài hạn là món vay nhỏ không đáng kể,

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, Đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2017,

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2018, với nỗ lực tối đa, Công ty sẽ từng bước bắt đầu phát triển ổn định, có hiệu quả và có lãi trở lại, kế hoạch cụ thể như sau:

Nhanh chóng hoàn thành quá trình tái cơ cấu, tập trung nguồn lực để ổn định phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đưa trở lại mảng hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và ống nhựa mà Công ty đã có kinh nghiệm từ trước, mang lại hoạt động thường xuyên liên tục và ổn định cho Công ty.

Tiếp tục triển khai xúc tiến hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, nông sản và các sản phẩm khác nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng, để hoàn nhập chi phí làm gia tăng lợi nhuận trong năm 2018

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.

Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

Với nỗ lực từng bước khắc phục khó khăn, Công ty kỳ vọng rằng sau thời điểm cấu trúc này, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định trở lại, thực sự hiệu quả và tiếp tục tăng trưởng phát triển trở lại.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế, Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng, Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại, Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế,

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Kết quả kinh doanh này đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên VHG trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững,

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2017 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước,

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a, Bộ máy quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp, Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực,

b, Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực;
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận;
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD,

c, Các vấn đề khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh,
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả, Xây dựng thương hiệu vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung,

a) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được qui định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu, Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán,
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành,
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ,

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Thu lao năm 2017 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	230.812.500	
Ban kiểm soát	-	

b) Giao dịch cổ phiếu: Không có.

c) Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty), Không có

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Chuẩn Việt,

Văn Phòng giao dịch: Số 156-158 Phố Quang, phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh,

Điện thoại : +84 (8) 3 999 0091/ 92/ 93 Fax : +84 (8) 3 999 0090

Website :

Ý kiến của Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính,”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán,

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel: +84 (28) 3999 00 91~97 Fax: +84 (28) 3999 00 90
Email: contact@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



Số: 2210/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam, được lập ngày 03 tháng 4 năm 2018, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh báo cáo tài chính,

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn,

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán, Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không,

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính, Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn, Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty, Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính,

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi,

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hiện tại, Công ty lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo giá sổ sách ước tính giá trị có thể thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 170,278,826,266 đồng, Theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 thì Công ty sẽ không phải trích lập số tiền nêu trên, Theo đó, làm cho kết quả kinh doanh trong năm lỗ từ (1,191,876,201,272) đồng xuống (1,021,597,375,006) đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán đang lỗ từ (1,016,219,355,155) đồng xuống lỗ (845,940,528,889) đồng và làm cho chỉ tiêu “các khoản dự phòng – mã 03” trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ thay đổi từ 242,269,396,642 đồng xuống 71,990,570,376 đồng,

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính,

Vấn đề nhấn mạnh

Theo Thuyết minh mục VII,5, hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây, Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu, Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút, Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn,

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này,

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 08 tháng 04 năm 2017, với ý kiến chấp nhận toàn phần,

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKH số: 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		176,843,461,791	186,378,923,362
110	I, Tiền và các khoản tương đương tiền	V,1	478,115,565	1,645,253,744
111	1, Tiền		478,115,565	1,645,253,744
112	2, Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V,2a	86,000,000	86,000,000
121	1, Chứng khoán kinh doanh		350,000,000	350,000,000
122	2, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(264,000,000)	(264,000,000)
123	3, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III, Các khoản phải thu ngắn hạn		167,998,369,331	165,465,812,226
131	1, Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V,3	10,119,298,506	38,614,358,831
132	2, Trả trước cho người bán ngắn hạn	V,4	10,417,089,823	64,732,388,741
136	3, Phải thu ngắn hạn khác	V,5	230,586,483,913	83,607,414,983
137	4, Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V,6	(83,124,502,911)	(21,488,350,329)
140	IV, Hàng tồn kho	V,7	4,846,214,365	16,057,601,192
141	1, Hàng tồn kho		13,756,233,579	16,566,137,192
149	2, Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(8,910,019,214)	(508,536,000)
150	V, Tài sản ngắn hạn khác		3,434,762,530	3,124,256,200
151	1, Chi phí trả trước ngắn hạn		-	47,000,000
152	2, Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		572,853,770	3,024,093,232
153	3, Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V,12	2,861,908,760	53,162,968
155	4, Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		493,236,230,935	1,528,659,770,118
210	I, Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II, Tài sản cố định		87,428,731,312	452,308,044
221	1, Tài sản cố định hữu hình	V,8	87,428,731,312	452,308,044
222	- Nguyên giá		108,636,315,219	4,580,401,125
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21,207,583,907)	(4,128,093,081)
227	2, Tài sản cố định vô hình	V,9	-	-
228	- Nguyên giá		675,311,099	675,311,099
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(675,311,099)	(675,311,099)
230	III, Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV, Tài sản dở dang dài hạn		47,254,014,308	180,338,006,386
241	1, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V,10	47,254,014,308	180,338,006,386
250	V, Đầu tư tài chính dài hạn	V,2b	344,683,793,013	1,347,869,455,688
251	1, Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2, Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	1,015,749,455,688
253	3, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		516,915,553,859	332,120,000,000
254	4, Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(172,231,760,846)	-
260	VI, Tài sản dài hạn khác		13,869,692,302	-
261	1, Chi phí trả trước dài hạn		13,869,692,302	-
262	2, Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3, Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		670,079,692,726	1,715,038,693,480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

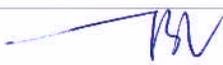
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		149,091,820,661	11,154,672,554
310	I, Nợ ngắn hạn		56,745,931,735	5,275,054,697
311	1, Phải trả người bán ngắn hạn	V,11	7,154,763,150	2,036,497,754
312	2, Người mua trả tiền trước ngắn hạn		65,647,215	152,918,854
313	3, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V,12	162,713,641	1,151,070,006
314	4, Phải trả người lao động		336,235,517	543,812,700
315	5, Chi phí phải trả ngắn hạn		563,735,240	59,671,511
319	6, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V,13	42,015,791,306	384,038,206
320	7, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V,14a	5,500,000,000	-
322	8, Quỹ khen thưởng, phúc lợi		947,045,666	947,045,666
330	II, Nợ dài hạn		92,345,888,926	5,879,617,857
338	1, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V,14b	2,226,758,497	4,775,392,420
335	2, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		90,119,130,429	1,104,225,437
400	D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		520,987,872,065	1,703,884,020,926
410	I, Vốn chủ sở hữu	V,15	520,987,872,065	1,703,884,020,926
411	1, Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2, Thặng dư vốn cổ phần		26,169,114,884	49,666,628,000
414	3, Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	4, Cổ phiếu quỹ (*)		-	(32,582,949,816)
421	5, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1,016,219,355,155)	162,126,474,690
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước		162,364,549,762	173,734,922,489
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		(1,178,583,904,917)	(11,608,447,799)
429	6, Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		11,038,112,336	24,673,868,052
430	II, Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1, Nguồn kinh phí		-	-
432	2, Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		670,079,692,726	1,715,038,693,480

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI,1	16,078,973,210	1,164,490,381,435
02	2, Các khoản giảm trừ		-	-
10	3, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16,078,973,210	1,164,490,381,435
11	4, Giá vốn hàng bán	VI,2	24,967,620,406	1,144,045,500,497
20	5, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(8,888,647,196)	20,444,880,938
21	6, Doanh thu hoạt động tài chính	VI,3	5,659,921	56,760,707,701
22	7, Chi phí tài chính	VI,4	962,137,997,308	55,244,044,999
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		197,765,785	16,154,986,343
24	8, Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	5,458,265,779
25	9, Chi phí bán hàng	VI,5	16,911,364	1,704,931,624
26	10, Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI,6	87,137,458,063	46,661,784,341
30	11, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,058,175,354,010)	(20,946,906,546)
31	12, Thu nhập khác	VI,7	45,580,000	-
32	13, Chi phí khác	VI,8	44,408,144,960	4,606,176,682
40	14, Lợi nhuận khác		(44,362,564,960)	(4,606,176,682)
50	15, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1,102,537,918,970)	(25,553,083,228)
51	16, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V,12	323,377,311	4,703,078,917
52	17, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		89,014,904,991	(32,741,827)
60	18, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1,191,876,201,272)	(30,223,420,318)
61	19, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(1,178,583,904,917)	(32,528,280,777)
62	20, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(13,292,296,355)	2,304,860,459
70	21, Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI,10	(7,903)	(223)
71	20, Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI,11	(7,903)	(223)

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN THỊNH



LÊ KHIẾU PHƯƠNG



VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1, Lợi nhuận trước thuế		(1,102,537,918,970)	(25,553,083,228)
	2, Điều chỉnh các khoản		1,052,838,484,079	31,826,376,335
02	- Khấu hao tài sản cố định		20,545,927,528	27,342,602,499
03	- Các khoản dự phòng		242,269,396,642	11,314,169,197
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		789,238,973,055	(22,985,381,704)
06	- Chi phí lãi vay		784,186,854	16,154,986,343
08	3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(49,699,434,891)	6,273,293,107
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		69,774,647,983	307,562,756,587
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11,719,922,827	177,259,353,759
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		45,953,450,362	(139,747,509,925)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2,804,754,619	47,818,119
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(280,123,485)	10,282,280,522
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(16,095,314,832)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10,253,986,548)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9,085,436,700	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(105,384,289)	(56,000,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		89,253,269,826	335,272,690,789
	II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	1, Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1,532,692,402)
22	2, Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		45,580,000	4,097,500,000
23	3, Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(187,644,392,420)
24	4, Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	378,669,000,000
25	5, Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(92,613,000,000)	(1,266,203,957,741)
26	6, Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	332,191,675,902
27	7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5,659,921	21,827,462,576
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(92,561,760,079)	(718,595,404,085)
	III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1, Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(810,014,003)	-
32	2, Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		19,049,578,000	605,954,291,835
34	4, Tiền trả nợ gốc vay		(16,098,211,923)	(611,241,785,182)
35	5, Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2,141,352,074	(5,287,493,347)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1,167,138,179)	(388,610,206,643)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1,645,253,744	390,255,460,387
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V,1	478,115,565	1,645,253,744

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Người lập biểu



TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng



LÊ KHIẾU PHƯƠNG



Tổng Giám Đốc

VŨ ANH TUẤN

I. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam và 02 Công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”),

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần,

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ,

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su,,

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng,

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng,

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự giảm sút đáng kể

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong năm Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất,

6. Các Công ty con được hợp nhất

Tổng số Công ty con: 02 công ty,

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty,

Các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
1, Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam,	Khai thác khoáng sản	96,91%	96,91%	96,91%
2, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Trồng cây Cao su	98,66%	98,66%	98,66%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm,

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND,

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất),

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất),

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần,

Hiện tại, Tập đoàn chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây, Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu, Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút, Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn,

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của tập đoàn, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính, Theo đó, Ban Giám đốc tập đoàn vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục,

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục,

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ, Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ,

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn, Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí,

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất,

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó, Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát,

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán, Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh,

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển,

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo,

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty, Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó,

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh,

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó, Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu, Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được,

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất,

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính,

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi,

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác,
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán,

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm,
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm,
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm,
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên,
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng,

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp,

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được,

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại,
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính,

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng,

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên,

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán,

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng,

Chi phí đền bù dự án 932 ha cao su và chi phí bồi thường nhà làm việc cộng chi phí sở đồ có thời gian phân bổ 50 năm,

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm,

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm,

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC, Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế,

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này,

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm,

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá, Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng, Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm,

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và

quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện, Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao,

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả,

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác,
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước,
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ,

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông,

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn, Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần,

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt,

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác,

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt,

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn, Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá: bán sẵn và đá cẩm thạch,

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua,

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa,
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng,
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng,

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ,

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn, Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được,

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn,

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty,

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay,

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh, Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa, Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng, Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan,

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó, Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể,

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại,

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế, Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển,

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%,

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập, Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này,

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng, Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi,

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung,

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	347,205,764	205,432,818
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	130,909,801	1,439,820,926
Cộng	<u>478,115,565</u>	<u>1,645,253,744</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/dài hạn

2a, Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)
- Công ty TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu (VMG)	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)
Cộng	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)	350,000,000	86,000,000	(264,000,000)

^(*) Giá trị hợp lý căn cứ vào giá chứng khoán niêm yết trên sàn Upcom tại ngày 31 tháng 12 năm 2017,

2b, Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (*)	-	-	-	1,015,749,455,688	1,015,749,455,688	-
Công ty Cp Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	-	-	-	728,541,664,358	728,541,664,358	-
Công ty Cp Granite Phú Yên	-	-	-	201,540,000,000	201,540,000,000	-
Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ (*)	-	-	-	25,000,000,000	25,000,000,000	-
Công ty Cp Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	-	-	60,000,000,000	60,000,000,000	-
Lãi (Lỗ) Công ty liên kết	-	-	-	667,791,330	667,791,330	-
Đầu tư vào đơn vị khác	516,915,553,859	344,683,793,013	(172,231,760,846)	332,120,000,000	332,120,000,000	-
Công ty Cp Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	225,902,553,859	55,623,727,593	(170,278,826,266)	-	-	-
Công ty Cp Lâm Nghiệp Thống Nhất	92,613,000,000	90,660,065,420	(1,952,934,580)	-	-	-
Công ty TNHH Thống Nhất	198,400,000,000	198,400,000,000	-	198,400,000,000	198,400,000,000	-
Công ty Cp Khoáng Sản Lào Cai - Quảng Trị	-	-	-	60,000,000,000	60,000,000,000	-
Công ty Cp Thủy sản Viễn Đông	-	-	-	19,000,000,000	19,000,000,000	-
Công ty Cp Đầu tư Cao Su Miền Nam	-	-	-	54,720,000,000	54,720,000,000	-
Cộng	516,915,553,859	344,683,793,013	(172,231,760,846)	1,347,869,455,688	1,347,869,455,688	-

Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(172,231,760,846)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(172,231,760,846)	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng các đối tượng khác</i>	10,119,298,506	38,614,358,831
- Công ty Cp XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	865,742,848	865,742,848
- Công ty Cp Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616,500,601	616,500,601
- Chi nhánh Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464,032,000	464,032,000
- Các khách hàng khác	8,173,023,057	36,668,083,382
Cộng	<u>10,119,298,506</u>	<u>38,614,358,831</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước người bán cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán đối tượng khác</i>	10,417,089,823	64,732,388,741
- Công ty Cp Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	4,500,000,000	4,500,000,000
- Công ty Cp Xây lắp Bưu điện Hà Nội	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty Cp ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	1,300,000,000	1,300,000,000
- Các nhà cung cấp khác	1,617,089,823	55,932,388,741
Cộng	<u>10,417,089,823</u>	<u>64,732,388,741</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác các tổ chức và cá nhân khác</i>	230,586,483,913	-	83,607,414,983	(665,618,333)
- Vũ Hải Bình	21,000,000,000	-	-	-
- Lê Hoàng Anh	8,000,000,000	-	-	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	6,150,000,000	-	3,779,285	-
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	-	71,750,000,000	-
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	19,000,000	-	33,000,000	-
- Công ty Cp Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	-	11,095,000,000	-
- Phải thu khác	195,417,483,913	(6,733,383,040)	725,635,698	(665,618,333)
Cộng	<u>230,586,483,913</u>	<u>6,733,383,040</u>	<u>83,607,414,983</u>	<u>(665,618,333)</u>

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		92,973,613,198	9,849,110,287		676,119,655	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		10,423,807,070	893,099,457		38,365,981,135	26,331,426,104
- Công ty Cp XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	Trên 3 năm	865,742,848	-	Trên 3 năm	865,742,848	-
- Cty Cp kỹ thuật TM & du lịch Thăng Long	Trên 3 năm	616,500,601	-	Trên 3 năm	616,500,601	-
- CN Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	Trên 3 năm	464,032,000	-	Trên 3 năm	464,032,000	-
- CN Công ty Cp Đầu Tư & Xây dựng Bưu Điện Miền Trung	Trên 3 năm	404,615,760	-	Trên 3 năm	404,615,760	-
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	8,072,915,861	893,099,457	Từ 1 năm đến trên 3 năm	36,015,089,926	26,331,426,104
Trả trước cho người bán ngắn hạn		11,400,804,755	2,222,627,790		48,307,673,923	40,819,496,958
- Công ty Cp Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	Trên 3 năm	4,500,000,000	-	Trên 3 năm	4,500,000,000	-
- Công ty Cp Xây lắp Bưu điện Hà Nội	Trên 3 năm	3,000,000,000	-	Trên 3 năm	3,000,000,000	-
- Công ty CP ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	Từ 1 năm – 02 năm	1,300,000,000	910,000,000		1,300,000,000	-
- Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	2,600,804,755	1,312,627,790	Từ 1 năm đến trên 3 năm	40,807,673,923	40,819,496,958
Phải thu ngắn hạn khác		71,149,001,373	6,733,383,040		73,262,411,621	72,596,793,288
- Công ty Cp Thủy sản Viễn Đông	Trên 3 năm	63,750,000,000	-		-	-
- Công ty Cp Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	Trên 3 năm	665,618,333	-	Trên 3 năm	665,618,333	-
- Các đối tượng khác	Dưới 6 tháng	6,733,383,040	6,733,383,040	Dưới 6 tháng	72,596,793,288	72,596,793,288
Cộng		92,973,613,198	9,849,110,287		159,936,066,679	138,447,716,350

Chi tiết biến động dự phòng

Số đầu năm	21,488,350,329
Tăng trong năm	64,214,508,082
Hoàn nhập trong năm	(2,578,355,500)
Số dư cuối năm	83,124,502,911

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	8,910,019,214 (8,910,019,214)	-	-	-
Hàng hóa	4,846,214,365	-	16,566,137,192	(508,536,000)
Cộng	13,756,233,579 (8,910,019,214)		16,566,137,192	(508,536,000)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	327,910,025	608,983,628	110,335,623	42,560,000	1,089,789,276
Tăng trong năm	107,546,525,943	-	-	-	107,546,525,943
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm ^(*)	107,874,435,968	608,983,628	110,335,623	42,560,000	108,636,315,219
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	120,961,347	397,548,951	110,335,623	42,560,000	671,405,921
Khấu hao trong năm	20,412,647,682	123,530,304	-	-	20,536,177,986
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	20,533,609,029	521,079,255	110,335,623	42,560,000	21,207,583,907
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	206,948,678	211,434,677	-	-	418,383,355
Số cuối năm	87,340,826,939	87,904,373	-	-	87,428,731,312

^(*)Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 152,895,623 đồng,

^(**) Chi tiết là chi phí đầu tư hạ tầng vào dự án 932 ha cao su,

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	675,311,099	675,311,099
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	675,311,099	675,311,099
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>675,311,099</i>	<i>675,311,099</i>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	675,311,099	675,311,099
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	675,311,099	675,311,099
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án trồng 932 ha cao su,

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các đối tượng khác</i>	7,154,763,150	2,036,497,754
- Công ty Cp Nhựa Miền Trung	5,330,835,802	-
- Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727,975,000	727,975,000
- Các nhà cung cấp khác	1,095,952,348	1,308,522,754
Cộng	7,154,763,150	2,036,497,754

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	455,180,125	-	(2,052,860,981)	1,226,912,350	-	2,824,593,206
- Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	158,807,641	5,231,663	323,377,311	323,377,311	158,807,641	5,231,663
- Thuế thu nhập cá nhân	15,893,229	15,847,414	25,255,313	53,089,956	3,906,000	-
- Thuế tài nguyên	-	32,083,891	-	-	-	32,083,891
- Các khoản thuế khác	521,189,011	-	308,312,052	308,312,052	-	-
Cộng	1,151,070,006	53,162,968	(3,725,832,291)	(563,805,124)	162,713,641	2,861,908,760

12a, Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ,

Số phải nộp trong năm:

Khoản hủy hợp đồng của Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đà Trung	(3,750,000,000)
Khoản nộp truy thu thuế theo Quyết định số 7040 ngày 31/08/2017 của Cục thuế	470,226,669
Các khoản thuế GTGT phải nộp khác	1,226,912,350
Cộng	(2,052,860,981)

12b, Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1) (1,041,906,239,627)
Các khoản điều chỉnh tăng:	(3) 3,899,262,209
+ Chi phí không được trừ	3,899,262,209
Các khoản điều chỉnh giảm:	(4) -
Tổng thu nhập chịu thuế (5) = (1) + (3) - (4)	(6) (1,038,006,977,418)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(9) = (7)*20% -
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	(11) = (9) - (10) -
Thuế TNDN nộp truy thu của những năm trước ^(*)	323,377,311
Tổng số thuế TNDN phải nộp	323,377,311

^(*) Là khoản truy thu thuế theo Quyết định số 7309/QĐ-CT ngày 15/09/2017 của Cục thuế Quảng Nam,

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả, phải nộp khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả, phải nộp khác đối tượng khác</i>	42,015,791,306	384,038,206
- Phan Chí Tâm	41,000,000,000	-
- Các khoản phải trả khác	1,015,791,306	384,038,206
Cộng	<u>42,015,791,306</u>	<u>384,038,206</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn
Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5,500,000,000	5,500,000,000	-	-
- Huỳnh Thị Dạ Thảo ⁽¹⁾	5,500,000,000	5,500,000,000	-	-
Cộng	<u>5,500,000,000</u>	<u>5,500,000,000</u>	-	-

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐTD ký ngày 14/07/2017, Số tiền vay là 15,000,000,000 đồng Thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, Lãi suất vay là 7,5%/năm, Mục đích vay bổ sung nguồn vốn kinh doanh,

Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2,226,758,497	2,226,758,497	4,775,392,420	4,775,392,420
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây ⁽²⁾	2,226,758,497	2,226,758,497	4,775,392,420	4,775,392,420
Cộng	<u>2,226,758,497</u>	<u>2,226,758,497</u>	<u>4,775,392,420</u>	<u>4,775,392,420</u>

⁽²⁾ Là khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 10TD/THT-VHG ngày 01/10/2016; Hợp đồng tín dụng số 11TD/THT-VHG ngày 01/11/2016; và Hợp đồng tín dụng số 12TD/THT-VHG ngày 25/12/2016, Thời hạn cho vay là 18 tháng, lãi suất 8%/năm, Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn kinh doanh, Hình thức đảm bảo: vay tín chấp,

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn/dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền vay</u>			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	4,775,392,420	4,049,578,000	6,598,211,923	2,226,758,497
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	15,000,000,000	9,500,000,000	5,500,000,000
Cộng	<u>4,775,392,420</u>	<u>19,049,578,000</u>	<u>16,098,211,923</u>	<u>7,726,758,497</u>

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm,

15b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000	-
Cộng	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000	-

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

15d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150,000,000	150,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	150,000,000	150,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	150,000,000	150,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(4,010,230)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(4,010,230)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150,000,000	145,989,770
- Cổ phiếu phổ thông	150,000,000	145,989,770
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 đồng/Cp,

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	16,078,973,210	1,164,490,381,435
Cộng	16,078,973,210	1,164,490,381,435

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	24,967,620,406	1,144,045,500,497
Cộng	24,967,620,406	1,144,045,500,497

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,659,921	14,376,144,355
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3,418,696,000

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi đầu tư cổ phiếu	-	1,136,055,000
- Lãi từ chuyển nhượng vốn	-	37,825,947,380
- Chi phí tài chính khác	-	3,864,966
Cộng	<u>5,659,921</u>	<u>56,760,707,701</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	784,187,214	16,154,986,343
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	611,791,232,837	-
- Lỗ do bán cổ phần	349,537,846,141	37,960,450,055
- Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	-	(757,969,522)
- Chi phí tài chính khác	24,731,116	1,886,578,123
Cộng	<u>962,137,997,308</u>	<u>55,244,044,999</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,275,000	1,608,577,077
- Các chi phí khác	8,636,364	96,354,547
Cộng	<u>16,911,364</u>	<u>1,704,931,624</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	919,905,333	3,276,563,358
- Chi phí vật liệu quản lý	3,467,435,576	278,819,935
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,450,911,350	127,433,081
- Chi phí dự phòng	61,636,152,582	11,563,602,719
- Chi phí lợi thế thương mại	-	27,132,671,603
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	415,111,731	2,529,463,640
- Các chi phí khác	247,941,491	1,753,230,005
Cộng	<u>87,137,458,063</u>	<u>46,661,784,341</u>
7. Thu nhập khác		
Là chênh lệch lớn hơn từ thu thanh lý TSCĐ và chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ,		
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản phạt	3,899,262,209	746,407,442
- Chi phí khác	40,508,882,751	3,859,769,240
Cộng	<u>44,408,144,960</u>	<u>4,606,176,682</u>
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	40,196,420
- Chi phí nhân công	919,905,333	1,783,071,461
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,450,911,350	116,562,626
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	415,111,731	564,681,900
- Chi phí khác	241,941,491	3,932,140,621
Cộng	<u>22,027,869,905</u>	<u>6,436,653,028</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(1,191,876,201,272)	(30,223,420,318)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(13,292,296,355)	2,304,860,459
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,178,583,904,917)	(32,528,280,777)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	149,121,045	145,989,770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	(7,903)	(223)

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(1,178,583,904,917)	(30,223,420,318)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(13,292,296,355)	2,304,860,459
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1,178,583,904,917)	(32,528,280,777)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	149,121,045	145,989,770
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	(7,903)	(223)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	145,989,770	145,989,770
Ảnh hưởng của số phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ bán ra bình quân	3,131,275	-
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cuối năm	149,121,045	145,989,770

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	149,121,045	145,989,770
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
+ Hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	149,121,045	145,989,770

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán,

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác,

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lương và thu nhập khác	230,812,500	240,000,000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 96,91% cổ phần
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 98,66% cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác

Không phát sinh các giao dịch trong kỳ,

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp, Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau,

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa là sẵn,

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam,

4. Thông tin so sánh

Số liệu cuối năm trên Báo cáo tài chính Hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại thành số liệu đầu năm trên Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
NGUỒN VỐN				
C, Nợ phải trả	300	11,154,672,554	10,493,893,790	660,778,764
Trong đó:				
II, Nợ dài hạn	330	5,879,617,857	5,218,839,093	660,778,764
Trong đó:				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	1,104,225,437	443,446,673	660,778,764
D, Vốn chủ sở hữu	400	1,703,884,020,926	1,704,544,799,690	(660,778,764)
I, Vốn chủ sở hữu	410	1,703,884,020,926	1,704,544,799,690	(660,778,764)
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	162,126,474,690	162,787,529,776	(661,055,086)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	24,673,868,052	24,673,591,730	276,322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,715,038,693,480	1,715,038,693,480	-

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam và 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây, Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu, Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút, Những vấn đề này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn,

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất,

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong năm Tập đoàn tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất,

Quảng Nam, ngày 03 tháng 4 năm 2018,

Người lập biểu

TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU
QUẢNG NAM
H. ĐÔNG GIANG, T. QUẢNG NAM

VŨ ANH TUẤN